

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
2. Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2021/TLST-HNGĐ Ngày 18 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim T, sinh năm X; địa chỉ: Số X Đường số Y, Phường Z, quận G, Thành phố H. (Có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh La Trần T, sinh năm Y; địa chỉ: Số X Đường số Y, Phường Z, quận G, Thành phố H. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Võ Thị Kim T trình bày:

Chị và anh La Trần T đã tự nguyện kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số Y ngày Z. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra anh T còn mâu thuẫn với người thân trong gia đình chị nên làm cho mâu thuẫn kéo dài và không có khả năng hàn gắn. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2014 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị là xin được ly hôn với anh La Trần T. Về con chung, có hai con chung là La Võ Diễm Q,

sinh ngày X và La Võ Minh Q, sinh ngày Y. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022 và các lần hòa giải tại Tòa, bị đơn là anh La Trần T thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ vợ chồng và con chung. Anh T xác nhận giữa anh và chị T có mâu thuẫn nhưng anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát do anh có mâu thuẫn với anh chị em bên gia đình chị T khi sống chung một nhà. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ thương con.

Trường hợp phải ly hôn, về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ La Võ Minh Q và đồng ý giao trẻ La Võ Diễm Q cho chị T nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không đồng ý ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ La Võ Minh Q và đồng ý giao trẻ La Võ Diễm Q cho chị T nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim T quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại số X Đường số Y, Phường Z, quận G, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Võ Thị Kim T và anh La Trần T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số Y ngày Z của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Căn cứ vào bản tự khai và tại các biên bản hòa giải ngày 24/01/2022 và ngày 04/3/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã và xung đột kéo dài nhiều năm nay. Bản thân anh T nhận thức được cuộc sống vợ chồng giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh có mâu thuẫn với gia đình bên chị T nhưng không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc mà để cho mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay. Từ năm 2014 chị T và anh T đã sống ly thân cho đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có hai con chung là La Võ Diễm Q, sinh ngày X và La Võ Minh Q, sinh ngày Y. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ La Võ Minh Q và đồng ý giao trẻ La Võ Diễm Q cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với trẻ La Võ Diễm Q, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q, anh T đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của trẻ Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với trẻ La Võ Minh Q, chị T và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T và chị T đều là người có trình độ và đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên cần cân nhắc về điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên để đảm bảo quyền lợi cho trẻ về mọi mặt trong cuộc sống đặc biệt là điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần.

Xét, trong điều kiện hiện tại phía chị T có nhà thuộc sở hữu riêng tại số X Đường số Y, Phường Z, quận G, Thành phố H, kể từ thời điểm ly thân đến nay hai trẻ Q, Q sống chung cùng nhau và chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ Q, Q; chị T vẫn nuôi dạy con tốt, các trẻ ngoan ngoãn, khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc tách rời hai trẻ Q, Tâm sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của các trẻ. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của

các con, đảm bảo sự ổn định, xét các điều kiện để phát triển thể chất, đảm bảo việc học hành và điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cho hai trẻ, việc giao trẻ Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi trẻ Q của chị T, không chấp nhận yêu cầu nuôi trẻ Q của anh T theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về quyền được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T xác định đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị T có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Chị T và anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh La Trần T.

Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số Y ngày Z của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao hai con chung là La Võ Diễm Q, sinh ngày X và La Võ Minh Q, sinh ngày Y cho chị Võ Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh La Trần T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Võ Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0028520 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị Võ Thị Kim T đã đóng đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Chị Võ Thị Kim T và anh La Trần T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Nguyễn Hà Hải